

**KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(DÀNH CHO SINH VIÊN)**

Kỳ thi ngày 24 tháng 11 năm 2018

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	Nguyễn Thế Anh	TA01	01	30/06/1995	Lạng Sơn	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0266	9	47	10	66	Không đạt
2	Nguyễn Thế Anh	TA02	01	24/01/1998	Bắc Giang	Nam	C-KETOAN17A	16CKT1069	9	45	6	60	Không đạt
3	Đàm Thị Bình	TA03	01	18/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0001	7	42	9	58	Không đạt
4	Dương Thị Thùy Chinh	TA04	01	19/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0331	13	49	8	70	A2
5	Nguyễn Thành Công	TA05	01	05/04/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0458	14	48	10	72	A2
6	Trần Đình Công	TA06	01	24/12/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0003	15	50	10	75	A2
7	Hoàng Văn Cương	TA07	01	03/11/1997	Hà Nội	Nam	D-KHCT5A	15DTY0334	14	49	10	73	A2
8	Ngô Tiến Dũng	TA08	01	21/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0461	12	51	11	74	A2
9	Hoàng Văn Dương	TA09	01	12/10/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0007	13	50	10	73	A2
10	Thân Thị Thùy Dương	TA10	01	12/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0400	13	49	11	73	A2
11	Nguyễn Văn Bắc Đầu	TA11	01	22/05/1998	Thừa Thiên H	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0008	9	52	9	70	A2
12	Dương Văn Đoàn	TA12	01	10/11/1998	Ninh Bình	Nam	D-THUY6A	16DTY0401	13	50	10	73	A2
13	Nguyễn Duy Đức	TA13	01	30/10/1995	Phú Thọ	Nam	D-THUY6C	16DTY0439	13	49	8	70	A2
14	Bùi Thị Hà	TA14	01	26/09/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4A	14DTY0139	17	52	10	79	A2
15	Chu Thị Hà	TA15	01	28/02/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0275	14	50	13	77	A2
16	Nguyễn Thị Thanh Hà	TA16	01	02/06/1998	Hưng Yên	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0011	12	50	12	74	A2
17	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TA17	01	08/06/1996	Hà Giang	Nữ	D-KHCT5A	15DKHCT0090	17	51	12	80	A2

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
18	Lê Thu Hằng	TA18	01	21/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0018	13	48	13	74	A2
19	Nguyễn Thị Minh Hiền	TA19	01	14/06/1998	Hung Yên	Nữ	D-THUY6B	16DTY0465	13	52	12	77	A2
20	Nguyễn Trung Hiếu	TA20	01	28/02/1998	Hà Nam	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0013	11	35	14	60	Không đạt
21	Vi Thị Hoài	TA21	01	07/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0345	13	52	12	77	A2
22	Dương Mạnh Hoàng	TA22	01	06/06/1995	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0236	13	53	14	80	A2
23	Hà Thị Ngọc Huyền	TA23	01	15/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0020	13	52	12	77	A2
24	Nguyễn Trọng Huỳnh	TA24	02	17/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DKT0345	12	41	10	63	Không đạt
25	Bùi Thị Hương	TA25	02	01/10/1998	Hòa Bình	Nữ	D-THUY6A	16DTY0413	14	48	11	73	A2
26	Nguyễn Duy Khánh	TA26	02	07/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0022	15	45	12	72	A2
27	Nguyễn Duy Khương	TA27	02	26/10/1993	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4B	14DQLTN0237	13	50	8	71	A2
28	Nguyễn Thị Thanh Lam	TA28	02	22/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0347	9	48	13	70	A2
29	Kpã Lan	TA29	02	05/06/1996	Gia Lai	Nam	D-THUY5A	15DTY0295	15	44	11	70	A2
30	Lê Tùng Lâm	TA30	02	17/08/1997	Yên Bái	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0006	16	50	12	78	A2
31	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TA31	02	14/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0349	11	48	14	73	A2
32	Vi Ngọc Linh	TA32	02	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0422	13	53	11	77	A2
33	Hoàng Thị Mai	TA33	02	10/07/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0297	15	49	12	76	A2
34	Lê Thế Mạnh	TA34	02	23/03/1996	Quảng Ninh	Nam	D-QLTN4B	14DQLTN0243	17	49	8	74	A2
35	Dương Văn Minh	TA35	02	18/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0482	16	52	12	80	A2
36	Tạ Thị Minh	TA36	02	12/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0351	15	47	13	75	A2
37	Vũ Hồng Minh	TA37	02	14/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0426	16	51	10	77	A2
38	Nguyễn Quốc Minh	TA38	02	30/03/1982	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0025	16	48	7	71	A2
39	Phan Thị Nga	TA39	02	10/10/1998	Nghệ An	Nữ	D-THUY6B	16DTY0486	12	44	14	70	A2
40	Nguyễn Thị Ngân	TA40	02	12/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0487	17	54	13	84	A2

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
41	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	TA41	02	28/09/1997	Bạc Liêu	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0303	16	54	14	84	A2
42	Ngô Bảo Ngọc	TA42	02	22/09/1995	Sơn La	Nữ	D-QLDD5A	13DQLDD0165	16	54	10	80	A2
43	Trần Thị Minh Nguyệt	TA43	02	21/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0489	17	51	10	78	A2
44	Nông Thị Hồng Nhung	TA44	02	28/07/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0492	16	51	12	79	A2
45	Vi Văn Phúc	TA45	02	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0033	14	52	11	77	A2
46	Đỗ Đăng Phương	TA46	02	02/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0493	16	50	11	77	A2
47	Vi Thị Phương Quế	TA47	03	18/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0359	18	54	14	86	A2
48	Dương Thời Quyết	TA48	03	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	3	12	10	25	Không đạt
49	Phạm Dương Quỳnh	TA49	03	25/07/1995	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0367	15	56	15	86	A2
50	Lừu Thị Sen	TA50	03	28/08/1998	Quảng Ninh	Nữ	D-THUY6B	16DTY0495	6	42	12	60	Không đạt
51	Nguyễn Thị Soan	TA51	03	18/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0496	14	49	13	76	A2
52	Hoàng Văn Sơn	TA52	03	11/06/1997	Hà Giang	Nam	D-KHCT5A	15DKHCT0101	12	45	13	70	A2
53	Hoàng Văn Tài	TA53	03	06/07/1997	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0310	13	44	9	66	Không đạt
54	Ngô Văn Thái	TA54	03	07/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0434	14	46	10	70	A2
55	Hoàng Vũ Thành	TA55	03	19/12/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6A	16DTY0437	11	45	9	65	Không đạt
56	Trần Trọng Thành	TA56	03	28/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6C	16DTY0500	12	42	13	67	Không đạt
57	Nguyễn Phương Thảo	TA57	03	06/07/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0361	15	52	13	80	A2
58	Thân Quang Thiều	TA58	03	02/11/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0501	17	42	11	70	A2
59	Đinh Thị Thủy	TA59	03	06/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4C	14DTY0259	12	43	13	68	Không đạt
60	Ngô Trường Thức	TA60	03	12/02/1996	Ninh Bình	Nam	D-THUY4C	14DTY0256	12	31	5	48	Không đạt
61	Đoàn Ngọc Tiến	TA61	03	23/10/1998	Hung Yên	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0039	11	45	10	66	Không đạt
62	Trần Thị Trang	TA62	03	08/04/1998	Hải Dương	Nữ	D-THUY6B	16DTY0511	-	-	-	-	-
63	Nguyễn Phi Triệu	TA63	03	26/01/1997	Bắc Giang	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0104	14	49	13	76	A2

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
64	Phùng Anh Tuấn	TA64	03	04/04/1997	Hà Nội	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0105	14	53	9	76	A2
65	Trần Ngọc Uyên	TA65	03	15/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0323	13	46	12	71	A2
66	Trần Thị Thu Uyên	TA66	03	07/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0446	15	47	12	74	A2
67	Đình Hồng Vân	TA67	03	12/04/1998	Hà Nội	Nữ	D-THUY6A	16DTY0447	13	51	10	74	A2
68	Vũ Ngọc Viên	TA68	03	14/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0518	14	46	12	72	A2
69	Trần Long Vũ	TA69	03	14/01/1998	Sơn La	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0040	14	35	10	59	Không đạt

Số thí sinh theo danh sách: 69

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 01

Số thí sinh dự thi: 68

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: 14

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh trình độ A2: 54

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

ThS. Phan Văn Cường

Bắc Giang, ngày 29 tháng 11

KT. Chủ tịch Hội đồng thi

Phó chủ tịch Hội đồng thi

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền